

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 25-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 15-6-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 09-7-2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 04/2018/TB-TA ngày 13-7-2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 14-3-2000 tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13-3-2018 đến ngày 19-3-2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Cháu Ngô Thị Th, sinh năm 2012 và người đại diện hợp pháp là anh Ngô Quốc M, sinh năm 1974 (là bố đẻ cháu Th); nơi cư trú: Số 29 đường Ng, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Ngô M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 29 đường Ng, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Anh Ngô N Hưng, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Cao Xuân Đ; vắng mặt.

2. Chị Đoàn Thị B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22 giờ ngày 08-3-2018, Công an quận Đồ Sơn nhận được trình báo của anh M về việc khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày có một nam thanh niên vào nhà anh chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO trị giá khoảng hơn 2.000.000 đồng. Qua xác M, xác định Lê Văn T là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại trên của anh M. Ngày 13-3-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn tiến hành bắt giữ T. Tiến hành khám xét nơi ở của T tại tổ 8, phường N, quận Đ, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 chiếc quần bò màu xanh bạc, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xám là bộ quần áo T mặc khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; ngoài ra T còn giao nộp 1.300.000 đồng là số tiền còn lại sau khi bán được chiếc điện thoại của anh M.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận: T và anh Nguyễn Ngọc N là hai anh em họ đang ở cùng nhau tại tổ 8, phường N, quận Đ. Khoảng 19 giờ ngày 08-3-2018, T mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 30Y9-6905 của anh N đến quán sửa điện thoại của anh Cao Xuân Đ để lấy chiếc điện thoại di động mà T trước đó đã thuê anh Đ sửa chữa. Do anh Đ không sửa được nên T đã bán chiếc điện thoại này cho vợ anh Đ là chị Đoàn Thị B với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh Ngô M để mua một chiếc điện thoại di động khác. Đến nơi, thấy bên ngoài cửa hàng nhà anh M không có ai, T đi vào trong nhà thì thấy 02 cháu nhỏ là con của anh M (cháu Ngô Thị Th, sinh năm 2012 và cháu Ngô Hoàng A, sinh năm 2014) đang chơi điện thoại di động trên ghế, trên mặt bàn phía trước có để 02 chiếc điện thoại di động. T hỏi 02 cháu thì được biết anh M đang ngủ, T đi vào trong giường gọi anh M để hỏi mua điện thoại nhưng anh M nói “hôm nay không bán điện thoại” rồi tiếp tục ngủ nên T đi về. Trên đường đi, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động do nghĩ rằng trong nhà anh M chỉ có 02 cháu nhỏ còn anh M thì đang ngủ. T quay xe lại nhà anh M, đi vào trong nhà thì thấy trên bàn trước mặt cháu Th và cháu Hoàng A đang ngồi chơi có 03 chiếc điện thoại di động. T cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO lên kiểm tra thấy không khóa mật khẩu nên lấy cho vào túi quần bò bên trái phía trước đang mặc rồi đi ra khỏi nhà anh M thì cháu Th chạy theo hỏi “sao chú cầm điện thoại của bố cháu”, T nói “chú trả tiền bố cháu rồi” và lên xe đi về nhà trọ tháo 02 sim

của chiếc điện thoại này vứt đi, tắt nguồn điện thoại. Đến 17 giờ ngày 10-3-2018, T mang chiếc điện thoại chiếm đoạt được bán cho anh Ngô N H được 1.500.000 đồng, sau đó T chi tiêu cá nhân hết 200.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 14-3-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu VIVO, màu trắng - vàng, Model: Y55, IMEI 1: 863188038754759; IMEI 2: 863188038754742, có giá trị 2.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 14-6-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố bị cáo T về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO đúng như bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ đúng như cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị hại, Đ diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô N H vắng mặt và có văn bản trình bày việc bồi thường đã xong, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng anh Cao Xuân Đ và chị Đoàn Thị B vắng mặt, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của họ phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc N có mặt trình bày đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 30Y9-6905, không yêu cầu gì thêm và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Với mục đích chiếm đoạt tài sản để có tiền ăn tiền nên bị cáo T lợi dụng việc anh Ngô M đang nằm ngủ, các con của anh M là Ngô Thị Th, sinh năm 2012 và Ngô Hoàng A, sinh năm 2014 không có khả năng ngăn cản, đã công khai chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO, màu trắng - vàng, đã qua sử dụng với giá trị là 2.000.000 đồng. Bị cáo chiếm đoạt tài sản do cháu Th đang quản lý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại theo điểm b; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo điểm s; người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông nội và ông ngoại của bị cáo là người có

công với cách mạng, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 1.300.000 đồng thu lợi bất chính từ việc chiếm đoạt tài sản.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 172; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, được bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án: 01 chiếc quần bò màu xanh bạc, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xám; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 1.300.000 đồng do bị cáo T nộp lại là số tiền do phạm tội mà có và buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*:

[2] Lời khai của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, biên bản khám xét, kết luận định giá tài sản và

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Vào hồi 21 giờ 20 phút ngày 08-3-2018, tại tổ dân phố Đ, phường Đ, quận Đồ Sơn, T lợi dụng việc anh M đang nằm ngủ, các con của anh M là Ngô Thị Th, sinh năm 2012 và Ngô Hoàng A, sinh năm 2014 không có khả năng ngăn cản, đã công khai chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO, màu trắng - vàng, đã qua sử dụng với giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 2.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo T 17 năm 11 tháng 24 ngày tuổi là người có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền ăn tiêu.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị T đã đủ yếu tố cấu thành tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

[5] Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO do cháu Ngô Thị Th, sinh năm 2012 đang quản lý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại theo điểm b; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo điểm s; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông nội và ông ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 1.300.000 đồng thu lợi bất chính từ việc chiếm đoạt tài sản là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[10] Bị cáo T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có khả

năng tự cải tạo, việc cho bị cáo T được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ vào nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; nên không nhất thiết phải bắt bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Ngô Thị Th và người đại diện hợp pháp là anh M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô N H, anh Nguyễn Ngọc N, anh M đã nhận lại tài sản, được bồi thường và không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc bồi thường thiệt hại.

[12] *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự.

- *Về xử lý vật chứng*:

[13] 01 chiếc quần bò màu xanh bạc, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xám là của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng và không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 1.500.000 đồng là số tiền do bị cáo phạm tội mà có (nhưng được trừ vào số tiền 1.300.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp lại), bị cáo còn phải nộp lại 200.000 đồng theo điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[15] 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 30Y9-6905, xe cũ đã qua sử dụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Ngọc N là đúng quy định pháp luật;

[16] 01 điện thoại đã qua sử dụng, nhãn hiệu VIVO, màu trắng - vàng, Model: Y55, IMEI 1: 863188038754759; IMEI 2: 863188038754742: Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh M là đúng quy định pháp luật;

- *Về vấn đề khác*:

[17] Đối với anh Ngô N H là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO với giá 1.500.000 đồng nhưng không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

[18] Đối với anh Nguyễn Ngọc N là người đã cho T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM BKS 30Y9-6905 Nng không biết T dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

[19] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 172; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án: 01 chiếc quần bò màu xanh bạc, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xám;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng là số tiền do bị cáo phạm tội mà có (nhưng được trừ vào số tiền 1.300.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp lại); bị cáo T còn phải nộp 200.000 đồng.

(Theo biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 14-6-2018 và Biên lai thu tiền số 6176 ngày 14-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị hại Ngô Thị Th và người đại diện hợp pháp là anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc N có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô N H, anh M có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT. Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS. Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV27, PV21);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng